

DANH SÁCH THI VÒNG 2 CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL JUNIOR 2015-2016 TẠI ĐÀ NẴNG

Ngày thi: 20-12-2015

Thời gian thi: 8:30 - 11:30

Địa điểm thi: Trường THCS Nguyễn Khuyến, số 2 Đặng Xuân Bảng, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Lớp	Khối	Trường	Quận/Huyện	Phòng thi
1	Hoàng Gia	Bảo	6-Dec-02	51900017	8/1	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
2	Nguyễn Mai	Lam	2-Mar-02	51901199	8/1	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
3	Nguyễn Bảo	Khánh	19-Feb-01	51900039	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
4	Đặng Nguyên	Khôi	01/07/2001	51900040	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
5	Hạ Ngọc	Lâm	5-Oct-01	51901200	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
6	Tô Hoàng Khánh	Linh	9-Jul-01	51900042	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
7	Trần Lê Uyển	Nhi	10-Apr-01	51900045	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
8	Đặng Minh	Triết	6-May-01	51901201	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
9	Phạm Huyền	Vy	3-Feb-01	51900047	9/1	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
10	Lê Trung	Huy	19-Apr-04	51900056	6/2	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
11	Hồ Khánh	Linh	20-Mar-04	51900059	6/2	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
12	Lê Phương Linh	Nhi	3-Mar-04	51900067	6/2	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
13	Nguyễn Vân	Khanh	22-Mar-03	51900075	7/2	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
14	Lê Trọng	Nhân	13-Oct-02	51900087	8/2	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Lớp	Khối	Trường	Quận/Huyện	Phòng thi
15	Đào Gia Thiên	Phúc	1-Mar-02	51900088	8/2	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
16	Nguyễn Thảo	Hân	12/06/2001	51900097	9/2	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
17	Lê Trần Bảo	Ngọc	06/04/2001	51900102	9/2	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
18	Lê Văn Phương	Duyên	23-Sep-04	51901202	6/3	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
19	Phan Quang	Minh	6-Jun-04	51900111	6/3	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
20	Phạm Thị Thanh	Tuyền	13-Jul-04	51900116	6/3	6	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
21	Nguyễn Hải	Duyên	1-Jan-03	51900118	7/3	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 1
22	Lê Thị Minh	Hương	22-Feb-03	51900121	7/3	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
23	Trần Đức	Thắng	20-Apr-03	51900130	7/3	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
24	Huỳnh Đức Anh	Thanh	10-Mar-03	51900131	7/3	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
25	Đỗ Minh	Huy	28-Oct-02	51900139	8/3	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
26	Võ Ngọc Yến	Nhi	4-Aug-02	51900147	8/3	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
27	Lê Văn Bảo	Tịnh	5-Aug-02	51900149	8/3	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
28	Đoàn Ngọc Mai	Lan	24-Oct-03	51900175	7/4	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
29	Võ Anh	Thư	12-Oct-03	51900178	7/4	7	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
30	Lê Đức Phúc	Hoàng	1-Jan-02	51901203	8/5	5	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
31	Đoàn Ngọc Mai	Lâm	27-Dec-02	51900199	8/5	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
32	Nguyễn Hồng Phúc	Nguyên	22-Dec-02	51900203	8/5	8	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
33	Trần Thị Yến	Nhi	27/02/2001	51900205	9/5	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
34	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	07/02/2001	51900210	9/6	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
35	Phan Đặng Thy	Nga	11/03/2001	51900211	9/6	9	THCS Nguyễn Khuyến	Cẩm Lệ	Phòng 2
36	Trương Nhật	Khoa	4-Jan-04	51900912	6/1	6	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2
37	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	27-Jan-03	51900929	7/1	7	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Lớp	Khối	Trường	Quận/Huyện	Phòng thi
38	Trần Khánh	Ngọc	5-Sep-03	51900928	7/1	7	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2
39	Lê Văn Minh	Tuấn	11-Apr-02	51900950	8/1	8	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2
40	Nguyễn Ngô Thảo	Uyên	19-Mar-04	51901204	6/2	6	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2
41	Nguyễn Hữu Minh	Tuệ	11-Feb-02	51901205	8/2	8	THCS Trưng Vương	Hải Châu	Phòng 2
42	Trần Thanh	Huân	29-Oct-04	51900872	6/1	6	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu	Phòng 2
43	Nguyễn Thanh	Tiến	22-Feb-04	51900895	6/3	6	THCS Trần Hưng Đạo	Hải Châu	Phòng 3
44	Nguyễn Minh	Khuê	3-Apr-04	51901206	6/1	6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
45	Đào Ngọc Xuân	Vy	26-May-01	51900608	9/1	9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
46	Lê Tiến	Quân	22-Jun-04	51900615	6/2	6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
47	Trần Phương	Khánh	8-May-03	51900626	7/2	7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
48	Phan Kế Vĩnh	Hưng	8-Apr-03	51900671	7/4	7	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
49	Huỳnh Tấn Anh	Kiệt	3-Sep-02	51900681	8/4	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
50	Lê Gia Bảo	Hân	17-Apr-01	51900767	9/7	9	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
51	Lê Ngọc	Mai	4-Jun-04	51900812	6/10	6	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
52	Nguyễn Tấn	Đạt	15-Jan-02	51901207	8/10	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
53	Nguyễn Lê Phước	Đạt	21-Nov-02	51900836	8/11	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
54	Nguyễn Thu Hải	Đường	2-Oct-02	51900838	8/11	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
55	Cao Nguyễn Anh	Huy	25-Feb-02	51900840	8/11	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
56	Văn Ngọc	Lân	1-Jun-02	51900842	8/11	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
57	Huỳnh Nhật	Nam	1-Mar-02	51900844	8/11	8	THCS Nguyễn Huệ	Hải Châu	Phòng 3
58	Nguyễn Trọng	Phúc	3-Jan-04	51900340	6/1	6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3
59	Đặng Xuân	Bách	26-Jan-03	51900346	7/1	7	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3
60	Đoàn Thanh	Hải	3-Apr-02	51900356	8/1	8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Lớp	Khối	Trường	Quận/Huyện	Phòng thi
61	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	1-Sep-03	51900446	7/3	7	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3
62	Trương Thị Diễm	Quỳnh	5-Dec-02	51900460	8/3	8	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3
63	Lê Thị	Thảo	7-Feb-04	51900497	6/4	6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 3
64	Nguyễn Nhật	Vy	4-Oct-04	51900542	6/8	6	THCS Lý Thường Kiệt	Hải Châu	Phòng 4
65	Nguyễn Thị Yến	Nhi	5-Jun-03	51900328	7/1	7	THCS Lê Hồng Phong	Hải Châu	Phòng 4
66	Lê Trần Gia	Minh	17-Nov-04	51900276	6/1	6	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
67	Phan Tấn Thành	Nghĩa	10-Feb-04	51900277	6/1	6	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
68	Đinh Thị Phương	Hằng	11-Jun-03	51900286	7/1	7	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
69	Hoàng Gia	Minh	27-Aug-03	51900288	7/1	7	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
70	Nguyễn Văn Gia	Bảo	12-Jan-04	51900313	6/3	6	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
71	Đặng Anh	Khoa	19-Jun-04	51900315	6/3	6	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
72	Nguyễn Võ Duệ	Nhã	2-Mar-02	51900321	8/3	8	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
73	Hồ Ngọc Lam	Vy	11-Jul-02	51900323	8/3	8	THCS Kim Đồng	Hải Châu	Phòng 4
74	Đỗ Thị Như	Tuyết	5-Sep-01	51901037	9/5	9	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà	Phòng 4
75	Đặng Nguyễn Vân	Anh	2-Nov-01	51901047	9/6	9	THCS Nguyễn Văn Cừ	Sơn Trà	Phòng 4
76	Nguyễn Lê Anh	Thi	3-Jun-01	51901084	9/5	9	THCS Nguyễn Trãi	Thanh Khê	Phòng 4
77	Nguyễn Song Bảo	Châu	07/7/2001	51901032	9/5	9	Nguyễn Văn Cừ	Liên Chiểu	Phòng 4
78	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	7-Jan-02	51901016	8/8	8	Trung Vương	Hải Châu	Phòng 4